TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48/2017/QĐST-HNGĐ	*Yên Châu, ngày 10 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2016/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2016. Giữa:

Nguyên đơn: Anh Lừ Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản H, xã V, huyện Y, tỉnh S.

Bị đơn: Chị Vì Thị D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Bản H, xã V, huyện Y, tỉnh S.

Căn cứ vào Điều 146; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điêu 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 10, khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án năm 2009;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lừ Văn H và chị Vì Thị D.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung:

Chị Vì Thị D nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Lừ Văn D, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2001 cho đến tuổi trưởng thành (nguyện vọng của cháu D là ở với chị Vì Thị D).

Anh Lừ Văn H nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vì Thị D mỗi tháng là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/8/2017 đến tháng 8/2018 số tiền là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Anh H và chị D thỏa thuận với nhau, anh H trả làm 02 đợt: ngày 07/8/2017 trả trước số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng), đến ngày 31/01/2018 giao nốt số tiền còn lại là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người không trực tiếp nuôi con

không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Anh H và chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Tài sản chung:

Anh Lừ Văn H và chị Vì Thị D tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nhưng yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về chia tài sản chung cụ thể như sau:

+ Anh H nhận sở hữu: 01 con trâu cái; 01 con bò; 01 nhà sàn, 04 gian, 02 trái, lợp ngói đỏ; 01 xe máy; 01 tủ tường; toàn bộ đất đai của ông bà nội (bố mẹ anh H) thống nhất để lại cho ông bà nội.

+ Chị Vì Thị D và cháu Lừ Văn D nhận sở hữu: 01 tủ lạnh; 01 tủ quần áo; 01 tủ gian; 01 bộ loa; 01 bộ tivi; máy sát thóc; 01 con nghé cái 02 tuổi; 01 nồi 70 lít; 01 nồi 50 lít; 01 nồi cơm điện; 13 cái chăn; 11 cái gối thái; 01 giường đôi; 01 đôi vòng tay bằng bạc, 01 châm cài tóc (châm cài tóc và 01 đôi vòng tay chị Vì Thị D đang giữ); 05 cuốn vải trắng; 02 cuốn vải khít; 02 cuốn nả pha; 09 cái khăn piêu.

Về nợ chung: Anh Lừ Văn H và chị Vì Thị D tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Lừ Văn H tự nguyện chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự là 100.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 100.000đ (một trăm nghìn đồng), tổng 02 khoản án phí là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Song được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2010/003290 ngày 07 tháng 10 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hàng án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- TA tỉnh;
- VKS (2 cấp);
- Chi cụcTHADS;
- Hộ tịch;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hường